

CHÍNH PHỦ

NGHỊ ĐỊNH của Chính phủ số 201/2004/NĐ-CP ngày 10/12/2004 về ban hành Quy chế quản lý hoạt động khoa học xã hội và nhân văn.

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 09 tháng 6 năm 2000;

Căn cứ Nghị định số 81/2002/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ,

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị định này Quy chế quản lý hoạt động khoa học xã hội và nhân văn.

Điều 2. Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Quy chế này.

Điều 3. Nghị định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Điều 4. Bộ trưởng các Bộ, Thủ trưởng

cơ quan ngang Bộ và Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, lãnh đạo các tổ chức khoa học và công nghệ các cấp và các tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. CHÍNH PHỦ

Thủ tướng

Phan Văn Khải

QUY CHẾ quản lý hoạt động khoa học xã hội và nhân văn

(ban hành kèm theo Nghị định số 201/2004/NĐ-CP ngày 10 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ).

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này quy định việc quản lý hoạt động khoa học xã hội và nhân văn (sau đây gọi là khoa học xã hội) sử dụng ngân sách nhà nước hoặc không sử dụng ngân sách nhà nước, được tiến hành ở các cấp, trong phạm vi cả nước.

2. Hoạt động khoa học xã hội được quy định tại Quy chế này bao gồm các nhiệm vụ khoa học xã hội và dịch vụ khoa học xã hội. Nhiệm vụ khoa học xã hội được tổ

chức dưới hình thức chương trình, đề tài, dự án khoa học xã hội. Dịch vụ khoa học xã hội bao gồm hoạt động thông tin, tư vấn, phổ biến, đào tạo, bồi dưỡng và các hoạt động khác phục vụ cho nghiên cứu khoa học xã hội.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Tổ chức, cá nhân Việt Nam, tổ chức, cá nhân nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài hoạt động khoa học xã hội trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

2. Cơ quan quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ các cấp.

Điều 3. Nguyên tắc quản lý hoạt động khoa học xã hội

Ngoài các nguyên tắc quy định tại Điều 5 của Luật Khoa học và Công nghệ, việc quản lý hoạt động khoa học xã hội còn phải tuân theo các nguyên tắc sau đây:

1. Tôn trọng và bảo đảm quyền dân chủ, phát huy khả năng sáng tạo và nâng cao trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong hoạt động khoa học xã hội.

2. Bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước về định hướng hoạt động khoa học xã hội được thể hiện trong cương lĩnh, đường lối, chủ trương của Đảng, trong pháp luật, chính sách, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của Nhà nước.

3. Bảo đảm sự quản lý thống nhất và có hiệu lực của Nhà nước đối với hoạt động khoa học xã hội từ Trung ương đến địa phương nhằm phục vụ có hiệu quả nhiệm vụ chính trị, yêu cầu phát triển

kinh tế - xã hội, phát triển các lĩnh vực khoa học xã hội.

Điều 4. Tài chính cho hoạt động khoa học xã hội

Tài chính cho hoạt động khoa học xã hội bao gồm các nguồn:

1. Nguồn ngân sách của Nhà nước (trung ương và các địa phương) đầu tư trực tiếp cho hoạt động khoa học xã hội được bố trí trong kế hoạch ngân sách hàng năm hoặc trong dự án kinh tế - xã hội của Nhà nước, Bộ, ngành và các địa phương.

Hoạt động khoa học xã hội sử dụng nguồn ngân sách này gọi là hoạt động khoa học xã hội sử dụng ngân sách nhà nước.

2. Các nguồn tài chính khác: kinh phí tự có của các tổ chức, cá nhân; tài trợ trực tiếp từ các tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước cho hoạt động khoa học xã hội; kinh phí dành cho hoạt động khoa học xã hội thuộc các dự án kinh tế - xã hội không sử dụng ngân sách nhà nước.

Hoạt động khoa học xã hội sử dụng các nguồn tài chính này gọi là hoạt động khoa học xã hội không sử dụng ngân sách nhà nước.

Chương II

XÁC ĐỊNH NHIỆM VỤ KHOA HỌC XÃ HỘI

Điều 5. Phân cấp nhiệm vụ khoa học xã hội

Các nhiệm vụ khoa học xã hội được phân thành 3 cấp:

1. Cấp Nhà nước: Chương trình khoa học xã hội cấp nhà nước, đề tài và dự án khoa học thuộc chương trình khoa học xã hội cấp nhà nước, đề tài và dự án khoa học xã hội độc lập cấp Nhà nước.

2. Cấp Bộ: Chương trình, đề tài, dự án khoa học xã hội của các Bộ, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

3. Cấp cơ sở: Đề tài, dự án khoa học xã hội của các tổ chức, cá nhân hoạt động khoa học.

Điều 6. Xây dựng kế hoạch hoạt động khoa học xã hội

1. Định kỳ 5 năm, Bộ Khoa học và Công nghệ cụ thể hóa các định hướng của Đảng và Nhà nước trong hoạt động khoa học xã hội thành kế hoạch hoạt động khoa học xã hội nằm trong “Phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ khoa học và công nghệ chủ yếu và danh mục các chương trình trọng điểm cấp Nhà nước” trình Chính phủ phê duyệt.

2. Các Bộ, ngành, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương căn cứ phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ khoa học xã hội của Chính phủ, nhu cầu thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội của Bộ, ngành, địa phương và hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ xây dựng kế hoạch hoạt động khoa học xã hội định kỳ 5 năm và hàng năm của mình.

3. Kế hoạch hoạt động khoa học xã hội phải đáp ứng các yêu cầu sau:

a) Phục vụ trực tiếp, kịp thời yêu cầu

lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước; góp phần giải quyết các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, địa phương.

b) Coi trọng nghiên cứu cơ bản, đẩy mạnh nghiên cứu ứng dụng. Kết hợp chặt chẽ giữa nghiên cứu cơ bản và nghiên cứu ứng dụng; giữa nghiên cứu lý luận và nghiên cứu tổng kết thực tiễn; giữa nghiên cứu và đào tạo.

c) Cân đối các nhiệm vụ khoa học xã hội và điều kiện để thực hiện các nhiệm vụ đó nhằm phát triển hợp lý các lĩnh vực của khoa học xã hội.

Điều 7. Đề xuất nhiệm vụ khoa học xã hội

1. Mọi tổ chức và cá nhân đều có quyền đề xuất các nhiệm vụ khoa học xã hội với cơ quan quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ các cấp, với các tổ chức khoa học và công nghệ (tổ chức nghiên cứu và phát triển, trường đại học, tổ chức dịch vụ khoa học xã hội) và các Quỹ phát triển khoa học và công nghệ.

2. Nhiệm vụ khoa học xã hội do tổ chức, cá nhân đề xuất phải phù hợp với định hướng, kế hoạch phát triển khoa học xã hội, đáp ứng nhu cầu phát triển lý luận khoa học xã hội và phát triển tiềm lực khoa học của các ngành khoa học xã hội; phục vụ yêu cầu lãnh đạo, quản lý và thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội.

3. Cơ quan quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ các cấp có trách nhiệm hướng dẫn và tổ chức việc đề xuất nhiệm vụ khoa học xã hội để lựa chọn đưa vào

kế hoạch 5 năm, hàng năm trong phạm vi quản lý.

Điều 8. Xác định và phê duyệt nhiệm vụ khoa học xã hội

1. Cơ quan quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ các cấp tổng hợp các nhiệm vụ khoa học xã hội do các tổ chức, cá nhân đề xuất để xác định nhiệm vụ khoa học xã hội, định kỳ 5 năm và hàng năm, theo các quy định tại Điều 15 của Nghị định số 81/2002/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ (sau đây gọi tắt là Nghị định số 81/2002/NĐ-CP).

2. Việc phê duyệt nhiệm vụ khoa học xã hội được phân cấp như sau:

a) Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chương trình khoa học xã hội cấp Nhà nước do Bộ Khoa học và Công nghệ trình, bao gồm cả các nhiệm vụ khoa học về lý luận chính trị do Hội đồng Lý luận Trung ương đề xuất.

b) Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt các đề tài và dự án thuộc chương trình khoa học xã hội cấp Nhà nước, đề tài và dự án khoa học xã hội độc lập cấp Nhà nước.

c) Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phê duyệt các chương trình, đề tài và dự án khoa học xã hội cấp Bộ.

d) Thủ trưởng các tổ chức, cơ quan, đơn vị cơ sở phê duyệt các đề tài, dự án

khoa học xã hội cấp cơ sở theo thẩm quyền được giao.

đ) Tổ chức, cá nhân tự xác định các nhiệm vụ khoa học xã hội không sử dụng ngân sách nhà nước trong phạm vi quản lý.

Chương III

QUẢN LÝ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC XÃ HỘI SỬ DỤNG NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Điều 9. Phương thức giao nhiệm vụ khoa học xã hội sử dụng ngân sách nhà nước

Việc giao tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học xã hội sử dụng ngân sách nhà nước theo phương thức tuyển chọn hoặc giao trực tiếp theo quy định tại các Điều 16 và Điều 17 của Nghị định số 81/2002/NĐ-CP do cơ quan quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ các cấp quyết định:

1. Ngoài các loại nhiệm vụ quy định tại khoản 2 và khoản 3 của Điều này, việc lựa chọn tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện các nhiệm vụ khoa học xã hội đều phải thông qua phương thức tuyển chọn.

2. Đối với các nhiệm vụ khoa học xã hội thuộc bí mật quốc gia, đặc thù của an ninh, quốc phòng và một số nhiệm vụ đặc biệt cấp bách, có nội dung phức tạp, nhạy cảm thì cơ quan quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ các cấp có thể lựa chọn tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện theo quy định của Luật Khoa học và

Công nghệ, Nghị định số 81/2002/NĐ-CP để giao trực tiếp việc chủ trì thực hiện.

3. Việc giao nhiệm vụ khoa học xã hội thông qua Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia được thực hiện theo quy định của Quỹ.

Điều 10. Tổ chức thực hiện nhiệm vụ khoa học xã hội sử dụng ngân sách nhà nước

1. Các nhiệm vụ khoa học xã hội sử dụng ngân sách nhà nước được tổ chức thực hiện theo quy định của Luật Khoa học và Công nghệ, Nghị định số 81/2002/NĐ-CP, Quy chế này và các quy định pháp luật có liên quan khác.

2. Các nhiệm vụ khoa học xã hội sử dụng ngân sách nhà nước thực hiện thông qua hợp đồng nghiên cứu khoa học giữa cơ quan quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ với tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện, trên cơ sở đề cương đã được tuyển chọn, xét duyệt, trong đó một cá nhân không đồng thời chủ trì quá 01 đề tài hoặc dự án khoa học xã hội cấp Nhà nước.

3. Quy trình quản lý thực hiện các nhiệm vụ khoa học xã hội:

a) Cơ quan quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ thành lập hội đồng tuyển chọn để đánh giá đề cương của tổ chức, cá nhân đăng ký tham gia chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học xã hội; thành lập hội đồng xét duyệt đề cương để đánh giá đề cương của tổ chức, cá nhân được giao trực tiếp chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học xã hội.

b) Trên cơ sở ý kiến đánh giá của hội đồng tuyển chọn hoặc hội đồng xét duyệt đề cương, cơ quan quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ ra quyết định giao tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện các nhiệm vụ khoa học xã hội.

c) Cơ quan quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ ký hợp đồng khoa học với tổ chức, cá nhân được giao chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học xã hội.

d) Tổ chức, cá nhân được giao chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học xã hội triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học xã hội.

đ) Cơ quan quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ khoa học theo hợp đồng đã ký kết.

e) Cơ quan quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ thành lập hội đồng đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học xã hội.

Điều 11. Thẩm quyền quyết định tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học xã hội sử dụng ngân sách nhà nước

Căn cứ kết quả đánh giá của hội đồng tuyển chọn hoặc hội đồng xét duyệt đề cương, cơ quan quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ các cấp ra quyết định giao tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học xã hội theo thẩm quyền được phân cấp như sau:

1. Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quyết định:

a) Thành lập Ban Chủ nhiệm, Văn

phòng và cử Chánh Văn phòng của Chương trình khoa học xã hội cấp Nhà nước;

b) Cơ quan chủ trì, Chủ nhiệm của đề tài, dự án thuộc Chương trình khoa học xã hội cấp Nhà nước, của đề tài và dự án khoa học xã hội độc lập cấp Nhà nước.

2. Bộ trưởng, Thủ trưởng các cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định giao tổ chức và cá nhân chủ trì thực hiện các nhiệm vụ khoa học xã hội cấp Bộ.

3. Thủ trưởng các tổ chức, cơ quan, đơn vị cơ sở quyết định giao tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện các nhiệm vụ khoa học xã hội cấp cơ sở.

Điều 12. Quyết định kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học xã hội sử dụng ngân sách nhà nước

Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ khoa học xã hội và quyết định giao tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học xã hội được quy định tại các Điều 8 và Điều 11 của Quy chế này, căn cứ mục đích, yêu cầu, nội dung chi tiết, khối lượng công việc cụ thể của nhiệm vụ khoa học và ý kiến tư vấn của hội đồng tuyển chọn, hội đồng xét duyệt đề cương để quyết định số lượng và nguồn kinh phí hợp lý theo phân cấp quản lý ngân sách nhà nước cho việc thực hiện từng nhiệm vụ khoa học.

Điều 13. Hợp đồng khoa học thực hiện nhiệm vụ khoa học xã hội sử dụng ngân sách nhà nước

1. Nội dung và hình thức hợp đồng khoa học giữa cơ quan quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ với tổ chức, cá nhân được giao chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học xã hội phải tuân theo các quy định của Luật Khoa học và Công nghệ, các quy định tại các Điều 26, 27, 28, 29 và 30 của Nghị định số 81/2002/NĐ-CP.

2. Ngoài quy định tại khoản 1 của Điều này, hợp đồng nghiên cứu khoa học thực hiện nhiệm vụ khoa học xã hội còn phải có các nội dung sau:

a) Quy định các nội dung cơ bản cần đạt được, phù hợp với đề cương đã được phê duyệt.

b) Quy định các sản phẩm khoa học cần phải có trong quá trình thực hiện và khi kết thúc nhiệm vụ khoa học. Các sản phẩm khoa học bao gồm: báo cáo tổng hợp kết quả nhiệm vụ khoa học, báo cáo tóm tắt, bản kiến nghị và các sản phẩm khoa học trung gian (tổng hợp số liệu thống kê, điều tra, khảo sát, kỹ yếu hội thảo khoa học, báo cáo nhánh và chuyên đề).

c) Quy định về tiến độ thực hiện để có thể nghiệm thu từng phần, công bố và đề xuất những kiến nghị ngay trong quá trình thực hiện nhằm kịp thời phục vụ yêu cầu lãnh đạo, quản lý của Đảng và Nhà nước, nhu cầu phát triển của ngành, địa phương.

d) Quy định trách nhiệm của mỗi bên trong việc công bố, cung cấp thông tin trong và sau quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học xã hội.

Điều 14. Quyền và trách nhiệm của tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học xã hội sử dụng ngân sách nhà nước

1. Ngoài các quyền được quy định tại các Điều 15 và Điều 17 của Luật Khoa học và Công nghệ, tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học xã hội còn có các quyền sau:

a) Tham gia hoạt động hợp tác, trao đổi khoa học, các hội nghị, hội thảo khoa học trong nước và ngoài nước, các hoạt động đào tạo, ứng dụng khoa học về những vấn đề liên quan đến nhiệm vụ nghiên cứu.

b) Đề nghị cơ quan quản lý nhà nước về khoa học công nghệ, nơi ký kết hợp đồng khoa học, cung cấp các thông tin cần thiết để phục vụ việc thực hiện nhiệm vụ khoa học được giao.

c) Tổ chức, cá nhân có đóng góp lớn đối với sự phát triển kinh tế - xã hội sẽ được Nhà nước khen thưởng theo quy định của pháp luật hiện hành; được đề xuất bổ sung kinh phí để tiếp tục triển khai thực hiện ở mức độ cao hơn, trong phạm vi rộng hơn.

d) Phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước về khoa học công nghệ có thẩm quyền để công bố, xuất bản kết quả nghiên cứu; cung cấp, chuyển giao ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học.

đ) Được hưởng quyền tác giả đối với sản phẩm thực hiện nhiệm vụ khoa học và dịch vụ chuyển giao, ứng dụng kết

quả nghiên cứu theo quy định của pháp luật.

e) Được quyền khiếu nại lên cơ quan quản lý nhà nước các cấp có thẩm quyền về các vấn đề liên quan đến việc thực hiện nhiệm vụ khoa học xã hội được giao theo quy định của pháp luật.

2. Ngoài các quy định tại các Điều 16 và Điều 18 của Luật Khoa học và Công nghệ, tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học xã hội cấp Nhà nước còn có các trách nhiệm sau:

a) Chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện và việc khai thác, sử dụng các nguồn thông tin, tư liệu trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học.

b) Cung cấp luận cứ khoa học, phát hiện và kiến nghị những vấn đề cần thiết trong phạm vi liên quan đến nhiệm vụ khoa học được giao một cách khách quan, trung thực, nhằm kịp thời phục vụ cho việc xây dựng chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước.

c) Báo cáo với cơ quan quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ có thẩm quyền về tình hình thực hiện nhiệm vụ khoa học theo quy định hiện hành.

d) Thu hút, tập hợp các nhà khoa học tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học; tạo điều kiện, tôn trọng và bảo đảm quyền lợi của những người tham gia nhằm huy động sự đóng góp, phát huy năng lực sáng tạo, đồng thời góp phần đào tạo, nâng cao trình độ của đội ngũ các nhà khoa học.

đ) Thông qua thực hiện nhiệm vụ khoa học, góp phần xây dựng và phát triển tri thức khoa học chuyên ngành, liên ngành và thúc đẩy việc ứng dụng các kết quả nghiên cứu vào thực tiễn.

e) Phối hợp nghiên cứu, cung cấp, trao đổi thông tin với tổ chức, cá nhân thực hiện các nhiệm vụ khoa học xã hội khác có liên quan nhằm khai thác tiềm năng, thế mạnh và hỗ trợ lẫn nhau trong hoạt động khoa học, tránh chồng chéo, lãng phí.

g) Chịu trách nhiệm lưu giữ, công bố, giao nộp và bảo mật các tin, tài liệu, sản phẩm nghiên cứu có liên quan tới bí mật quốc gia theo quy định hiện hành.

3. Tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học xã hội cấp Bộ và cấp cơ sở có trách nhiệm đáp ứng các yêu cầu quy định tại khoản 2 của Điều này ở các mức độ phù hợp với tính chất, quy mô và phạm vi nhiệm vụ khoa học được giao.

Điều 15. Đánh giá, nghiệm thu và công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học xã hội sử dụng ngân sách nhà nước

1. Việc đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học xã hội sử dụng ngân sách nhà nước được thực hiện theo quy định tại Điều 24 Luật Khoa học và Công nghệ; các Điều 21, 24 và 25 của Nghị định số 81/2002/NĐ-CP và quy định đánh giá, nghiệm thu đề tài khoa học xã hội của Bộ Khoa học và Công nghệ.

2. Trên cơ sở kết luận của hội đồng nghiệm thu, cơ quan có thẩm quyền

ra quyết định công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học xã hội như sau:

a) Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ công nhận kết quả thực hiện chương trình, đề tài, dự án khoa học xã hội cấp Nhà nước.

b) Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương công nhận kết quả thực hiện chương trình, đề tài, dự án khoa học xã hội cấp Bộ.

c) Thủ trưởng các tổ chức, cơ quan, đơn vị cơ sở công nhận kết quả thực hiện các đề tài, dự án khoa học xã hội cấp cơ sở, theo thẩm quyền được giao.

3. Trong trường hợp cần thiết, ngoài ý kiến tư vấn của hội đồng nghiệm thu, cơ quan có thẩm quyền ra quyết định công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học xã hội có thể tham khảo ý kiến của các chuyên gia để có thêm căn cứ công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học, bảo đảm khách quan, chính xác, theo quy định của pháp luật.

Chương IV

QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC XÃ HỘI KHÔNG SỬ DỤNG NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Điều 16. Hoạt động khoa học xã hội không sử dụng ngân sách nhà nước

Hoạt động khoa học xã hội không sử dụng ngân sách nhà nước, bao gồm:

1. Hoạt động khoa học xã hội trong khuôn khổ các dự án kinh tế - xã hội không sử dụng ngân sách nhà nước;

2. Hoạt động khoa học xã hội do tổ chức khoa học, cá nhân thuộc tổ chức khoa học thực hiện bằng nguồn kinh phí tự có hoặc bằng tiền tài trợ của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước;

3. Hoạt động khoa học xã hội độc lập của cá nhân nhà khoa học.

Điều 17. Tổ chức hoạt động khoa học xã hội không sử dụng ngân sách nhà nước

1. Nhà nước khuyến khích việc huy động, sử dụng các nguồn kinh phí ngoài ngân sách nhà nước để tiến hành các hoạt động khoa học xã hội phục vụ các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, ngành, địa phương và của các tổ chức.

2. Cơ quan quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ các cấp có trách nhiệm hướng dẫn, tạo điều kiện để các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động khoa học xã hội không sử dụng ngân sách nhà nước, bảo đảm thực hiện đúng các yêu cầu của quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ, quy định của pháp luật về hoạt động khoa học và công nghệ.

3. Tổ chức, nơi có tập thể, cá nhân tham gia hoạt động khoa học xã hội không sử dụng ngân sách nhà nước có trách nhiệm giám sát, kiểm tra hoạt động khoa học xã hội không sử dụng ngân sách nhà nước của tập thể, cá nhân thuộc phạm vi quản lý theo thẩm quyền.

4. Tổ chức, cá nhân đầu tư và tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học xã hội bằng nguồn kinh phí tự có cùng cơ quan trực tiếp thụ hưởng kết quả hoạt động khoa học xã hội có trách nhiệm quản lý việc thực hiện nhiệm vụ khoa học xã hội trong phạm vi thẩm quyền của mình, bảo đảm thực hiện đúng mục tiêu, yêu cầu, nội dung, phạm vi, đối tượng đã đăng ký và tuân theo các quy định của pháp luật.

Điều 18. Đăng ký thực hiện nhiệm vụ khoa học xã hội không sử dụng ngân sách nhà nước

1. Nhà nước khuyến khích tổ chức, cá nhân đăng ký các nhiệm vụ khoa học xã hội không sử dụng ngân sách nhà nước do mình thực hiện với cơ quan quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ các cấp.

2. Tổ chức, cá nhân Việt Nam thực hiện nhiệm vụ và dịch vụ khoa học xã hội theo yêu cầu và bằng nguồn kinh phí của tổ chức, cá nhân nước ngoài có trách nhiệm đăng ký việc nhận tài trợ theo quy định tại Điều 10 và Điều 12 của Nghị định số 81/2002/NĐ-CP và với cơ quan quản lý trực tiếp.

Điều 19. Đánh giá, nghiệm thu và công nhận kết quả hoạt động khoa học xã hội không sử dụng ngân sách nhà nước

1. Tổ chức, cá nhân đầu tư và tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học xã hội phối hợp với cơ quan thụ hưởng kết quả hoạt động khoa học xã hội để tổ chức đánh giá nghiệm thu kết quả

hoạt động khoa học xã hội không sử dụng ngân sách nhà nước.

2. Tổ chức, cá nhân chủ trì hoạt động khoa học xã hội không sử dụng ngân sách nhà nước có quyền đề nghị cơ quan quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ các cấp tổ chức đánh giá kết quả nghiên cứu khoa học xã hội do mình thực hiện và phải chịu mọi chi phí cho việc tổ chức đánh giá kết quả đó.

Kết quả nghiên cứu khoa học xã hội không sử dụng ngân sách nhà nước có ảnh hưởng đến lợi ích quốc gia, quốc phòng, an ninh, môi trường và sức khỏe nhân dân phải được cơ quan quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ có thẩm quyền tổ chức đánh giá trước khi công bố.

Thủ tục đánh giá các nhiệm vụ khoa học xã hội không có dấu hiệu vi phạm pháp luật được thực hiện theo quy định tại Điều 15 của Quy chế này.

3. Việc công nhận kết quả hoạt động khoa học xã hội không sử dụng ngân sách nhà nước do cơ quan thụ hưởng, tổ chức, cá nhân đầu tư và thực hiện nhiệm vụ khoa học xã hội quyết định.

4. Kết quả hoạt động khoa học xã hội có giá trị do cá nhân nhà khoa học tự thực hiện đã đăng ký với cơ quan quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ có thẩm quyền được xem xét để hỗ trợ việc tổ chức đánh giá và công bố theo quy định của pháp luật.

Điều 20. Quyền và trách nhiệm của tổ chức, cá nhân hoạt động khoa học xã hội không sử dụng ngân sách nhà nước.

Tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện

nhiệm vụ khoa học xã hội không sử dụng ngân sách nhà nước có quyền hạn như tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học xã hội sử dụng ngân sách nhà nước, được quy định tại khoản 1, Điều 14 của Quy chế này và có trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ trong hoạt động khoa học theo quy định của pháp luật.

Điều 21. Hợp đồng nghiên cứu, cung cấp dịch vụ khoa học xã hội không sử dụng ngân sách nhà nước

1. Tổ chức, cá nhân hoạt động khoa học có quyền ký hợp đồng thực hiện các chương trình, đề tài, dự án, dịch vụ khoa học xã hội theo đơn đặt hàng của tổ chức, cá nhân có nhu cầu.

2. Cơ quan quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ các cấp có trách nhiệm hướng dẫn, tư vấn việc tìm nguồn cung cấp dịch vụ khoa học theo đề nghị của tổ chức, cá nhân có nhu cầu.

3. Hợp đồng giữa tổ chức, cá nhân có nhu cầu và tổ chức, cá nhân chủ trì chương trình, đề tài, dự án, cung cấp dịch vụ khoa học xã hội được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Chương V

SỬ DỤNG KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC XÃ HỘI

Điều 22. Thông tin về kết quả hoạt động khoa học xã hội

1. Tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học xã hội có quyền đề xuất các kiến nghị rút ra từ kết quả thực

hiện nhiệm vụ khoa học xã hội với cơ quan lãnh đạo, quản lý có thẩm quyền để cung cấp thông tin và góp phần phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

2. Cơ quan quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ các cấp có trách nhiệm báo cáo cơ quan lãnh đạo, quản lý có thẩm quyền về kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học xã hội thuộc phạm vi quản lý, những phát hiện khoa học mới do các tổ chức, cá nhân kiến nghị.

3. Cơ quan lãnh đạo, quản lý có thẩm quyền các cấp có trách nhiệm xem xét giá trị, tác dụng, hiệu quả của các kiến nghị và thông báo lại cho tổ chức, cá nhân nhà khoa học đề xuất.

Điều 23. Lưu trữ kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học xã hội

Các kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học xã hội được lưu giữ và bảo mật theo quy định của pháp luật tại cơ quan quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ các cấp và cơ quan chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học.

Điều 24. Công bố, xuất bản kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học xã hội

1. Việc công bố kết quả thực hiện các nhiệm vụ khoa học xã hội sau khi được nghiệm thu và công nhận phải tuân theo Luật Xuất bản, Luật Báo chí và các quy định của pháp luật về quyền sở hữu trí tuệ.

2. Cấp có thẩm quyền công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học quyết định nội dung, phạm vi và hình thức

công bố, xuất bản kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học xã hội.

3. Kinh phí xuất bản không nằm trong kinh phí thực hiện chương trình, đề tài, dự án khoa học.

4. Hàng năm, cơ quan quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ các cấp có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan liên quan công bố kết quả hoạt động khoa học xã hội sử dụng ngân sách nhà nước trong phạm vi quản lý.

Điều 25. Chuyển giao, ứng dụng kết quả hoạt động khoa học xã hội

1. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ khoa học xã hội đã được nghiệm thu và công nhận, có khả năng ứng dụng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, không thuộc lĩnh vực bí mật quốc gia, không vi phạm các điều cấm trong Luật Khoa học và Công nghệ đều có thể được ứng dụng, chuyển giao cho tổ chức, cá nhân có nhu cầu.

2. Cơ quan quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ các cấp trên cơ sở tham khảo ý kiến của tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học, theo thẩm quyền, quyết định phạm vi, đối tượng và yêu cầu của việc ứng dụng, chuyển giao, sử dụng có trả tiền hoặc không trả tiền đối với kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học xã hội sử dụng ngân sách nhà nước.

3. Việc trao đổi các sản phẩm khoa học từ kết quả hoạt động khoa học xã hội không sử dụng ngân sách nhà nước do nhà đầu tư và tổ chức, cá nhân chủ trì

quyết định và thực hiện theo quy định của pháp luật.

4. Việc chuyển giao, ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học xã hội tại khoản 2 của Điều này phải được thực hiện thông qua hợp đồng theo các quy định của pháp luật.

5. Phí chuyển giao, ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học xã hội do bên cung cấp và bên tiếp nhận dịch vụ thỏa thuận trong hợp đồng và được sử dụng theo quy định của pháp luật hiện hành.

6. Nghiêm cấm việc tự ý cung cấp và cung cấp không đúng thẩm quyền các sản phẩm và thông tin về kết quả hoạt động khoa học xã hội có nội dung thuộc bí mật quốc gia.

Điều 26. Tổ chức hội nghị, hội thảo khoa học xã hội

1. Cơ quan quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ các cấp có trách nhiệm hướng dẫn tổ chức, cá nhân khoa học trong việc tổ chức hội nghị, hội thảo khoa học để công bố, trao đổi thông tin các kết quả hoạt động khoa học xã hội.

2. Tổ chức khoa học có trách nhiệm phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ các cấp trong việc tổ chức hội nghị, hội thảo khoa học để trao đổi, thảo luận về những vấn đề lý luận và thực tiễn đặt ra từ kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học xã hội, theo các quy định của pháp luật hiện hành về tổ chức hội nghị, hội thảo.

Điều 27. Khen thưởng và xử lý vi phạm trong hoạt động khoa học xã hội

1. Nhà nước khen thưởng theo định kỳ hàng năm và 5 năm đối với tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong hoạt động khoa học xã hội.

2. Cơ quan quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ các cấp có trách nhiệm tổ chức việc xét thưởng, đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng, trao giải thưởng khoa học, tặng danh hiệu khoa học cho tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong hoạt động khoa học xã hội.

3. Tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động khoa học xã hội có kết quả xuất sắc, có đóng góp tốt cho sự phát triển kinh tế - xã hội, được Nhà nước ưu tiên hỗ trợ kinh phí thực hiện, tạo điều kiện ứng dụng vào thực tiễn hoặc triển khai ở mức độ cao hơn, trong phạm vi rộng hơn.

4. Tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học xã hội vi phạm hợp đồng khoa học thì bị xử lý theo quy định của hợp đồng và của pháp luật về hợp đồng. Tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học xã hội sử dụng ngân sách nhà nước vi phạm nghiêm trọng hợp đồng khoa học hoặc không có khả năng hoàn thành nhiệm vụ, cơ quan quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ có thẩm quyền có quyền chấm dứt hợp đồng, tiến hành thanh, quyết toán và thu hồi kinh phí.

5. Tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định của pháp luật về quản lý hoạt động khoa học thì tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Chương VI

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 28. Trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ

1. Bộ Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ và các cơ quan có liên quan, hướng dẫn và kiểm tra các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động khoa học xã hội trong việc thực hiện Quy chế này.

2. Cơ quan quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ của các Bộ, ngành và địa phương có trách nhiệm hướng dẫn và kiểm tra các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động khoa học xã hội thuộc phạm vi quản lý thực hiện Quy chế này.

Điều 29. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động khoa học xã hội

Mọi tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động khoa học xã hội có trách nhiệm thi hành Quy chế này.

Điều 30. Bổ sung, hoàn thiện Quy chế

Trong quá trình thực hiện Quy chế, nếu có vấn đề cần bổ sung, sửa đổi thì các tổ chức, cá nhân phản ánh về Bộ Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, trình Chính phủ xem xét, quyết định./.

TM. CHÍNH PHỦ

Thủ tướng

Phan Văn Khải

CÁC BỘ

LIÊN BỘ

**BỘ TÀI CHÍNH - TỔNG LIÊN ĐOÀN
LAO ĐỘNG VIỆT NAM**

**THÔNG TƯ liên tịch số 119/2004/
TTLT-BTC-TLĐLĐVN ngày
08/12/2004 hướng dẫn trích
nộp kinh phí công đoàn.**

Căn cứ Nghị định số 133/HĐBT ngày 20/4/1991 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) hướng dẫn thi hành Luật Công đoàn;

Căn cứ Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 23/6/2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Điều 4, Quyết định số 53/1999/QĐ-TTg ngày 26/3/1999 của Thủ tướng Chính phủ về một số biện pháp khuyến khích đầu tư trực tiếp nước ngoài;

Liên tịch Bộ Tài chính - Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam hướng dẫn việc trích, nộp kinh phí công đoàn như sau:

**I. ĐỐI TƯỢNG, CĂN CỨ TRÍCH,
MỨC TRÍCH NỘP KINH
PHÍ CÔNG ĐOÀN**

**1. Đối tượng trích nộp kinh phí
công đoàn**